

Giu-se Lê Minh Thông, O.P.

**Phân tích thuật chuyện
và phân tích cấu trúc
áp dụng vào
Tin Mừng thứ tư**

Trung Tâm Học Vấn Đa-Minh

2008

Cha Giám Tỉnh Dòng Đa-Minh:
Giu-se Ngô Sĩ Đình
đã xét duyệt và chấp thuận
ngày 30 tháng 07 năm 2008.

Cùng tác giả:

- [2008] *Tin Mừng thứ tư song ngữ Hy-lạp – Việt*
281 tr.
- [2008] *Tin Mừng Mác-cô song ngữ Hy-lạp – Việt*
265 tr.

III. 18,28–19,16a: Đức Giê-su và Phi-la-tô

Dẫn nhập

Đọc, hiểu và sống Lời Chúa là điều không ngừng được tìm kiếm, nhưng đọc như thế nào và đọc với phương pháp nào? Những câu hỏi này luôn được đặt ra. Mục đích của việc đọc là để hiểu và để sống. Khi đọc, độc giả thổi sinh khí vào bản văn, làm cho bản văn nên sống động. Chưa đến tay người đọc thì bản văn chưa hoàn thành sứ mệnh của mình, tác phẩm trên kệ sách là tác phẩm đang chờ người đọc. Nếu người đọc làm cho bản văn “sống” và có sinh khí thì bản văn cũng tác động đến người đọc. “Đọc” là tương tác qua lại giữa hai thế giới: Thế giới của câu chuyện (le monde du récit) và thế giới của người đọc (le monde du lecteur).⁷⁶ Thế giới câu chuyện là những tình tiết, phản ứng của các nhân vật. Câu chuyện được trình bày trong khung cảnh riêng, bản văn có thể nói đến quá khứ, hiện tại hay tương lai. Thế giới của người đọc là lịch sử, văn hoá của độc giả, cùng với những kinh nghiệm sống, những hiểu biết độc giả đã có. Thế giới của người đọc cũng bao hàm những ước mơ, dự phóng trong tương lai hay những kỷ niệm vui buồn trong quá khứ. Tương tác giữa hai thế giới này có khả năng làm biến đổi, làm phong phú cho cuộc sống của người đọc.

⁷⁶ Cf. D. MARGUERAT, Y. BOURQUIN, *Pour lire les récits bibliques, Initiation à l'analyse narrative*, p. 178-181.

Sau đây là áp dụng phân tích thuật chuyện và phân tích cấu trúc vào đoạn văn Ga 18,28–19,16a với ba phần: (I) Đọc, (II) Hiểu và (III) Sống. Về phương pháp, “đọc bản văn” và “hiểu bản văn” là quan trọng nên được phân tích chi tiết hơn. Phần áp dụng vào cuộc sống còn tùy thuộc vào hoàn cảnh và cảm nhận của từng độc giả, nên chỉ là gợi ý ngắn gọn.

I. Đọc bản văn 18,28–19,16a

Đọc để hiểu bản văn muốn nói gì, và nói như thế nào, là điều không hiển nhiên. Cần quan sát kỹ bản văn để nhận ra những yếu tố giúp hiểu ý nghĩa. Cách phân tích thuật chuyện và cấu trúc giúp đọc bản văn qua ba bước: (1) Phân đoạn; (2) Tìm hiểu bối cảnh văn chương của đoạn văn; (3) Tìm cấu trúc của đoạn văn. Ba bước này được thực hiện nhờ chú ý đến các yếu tố: Thời gian, không gian, nhân vật, từ ngữ và các đề tài trong đoạn văn. Ba bước này giúp quan sát kỹ bản văn trước khi phân tích.

1. Phân đoạn

Như đã trình bày trong phần lý thuyết, khi chọn một đoạn văn để đọc, câu hỏi trước tiên được đặt ra: Tại sao đoạn văn được chọn lại bắt đầu từ câu này và kết thúc ở câu kia? Tại sao không chọn đoạn văn dài hơn hoặc ngắn hơn, hay bắt đầu và kết thúc ở một câu khác? Tại sao lại bắt đầu đọc ở 18,28 và kết thúc ở 19,16a? Tựa đề và phân đoạn các đoạn văn trong các bản dịch Kinh Thánh chỉ là gợi ý, nói chung một tựa đề

không thể tóm tắt hết các ý tưởng và đề tài của đoạn văn. Vì thế người đọc không nên lệ thuộc vào các tựa đề và phân đoạn trong các bản dịch. Bản văn gốc Tân Ước bằng tiếng Hy-lạp không có đề mục các đoạn văn như trong các bản dịch. Người đọc được tự do trong việc chọn bản văn dài hay ngắn (từ vài câu đến vài chương) để đọc.

Khởi đầu đoạn văn 18,28–19,16a, người thuật chuyện cho người đọc biết có sự thay đổi về không gian, thời gian và nhân vật ở 18,28: “VẬY HỌ DẪN ĐỨC GIÊ-SU TỪ NHÀ CAI-PHA ĐẾN DINH TỔNG TRẦN; LÚC ĐÓ TRỜI VỪA SÁNG, HỌ KHÔNG VÀO TRONG DINH TỔNG TRẦN ĐỂ KHỎI BỊ NHIỆM ỨẾ, VÌ CÒN ĂN LỄ VƯỢT QUA.” Trước c. 28 Đức Giê-su ở nhà Cai-pha, trong c. 28 Đức Giê-su ở dinh Phi-la-tô. Trước 18,28 Đức Giê-su hiện diện giữa những kẻ chống đối (Kha-nan, Cai-pha), từ 18,28 sự phân cách giữa Đức Giê-su và những kẻ tố cáo Người đã hình thành: Đức Giê-su ở trong dinh Phi-la-tô trên phần đất bị nhiễm ứế, còn những kẻ tố cáo ở trên phần đất không bị nhiễm ứế. Như thế không gian thay đổi từ nhà Cai-pha đến dinh Phi-la-tô. Về thời gian, trước c. 28 là ban đêm, từ c. 28, câu chuyện bắt đầu vào lúc “trời vừa sáng” (18,28), lúc khởi đầu một ngày mới. Yếu tố mới về nhân vật là Phi-la-tô xuất hiện. Ông là người ngoại, được Xê-da đặt lên để giám sát vùng Giu-đê.

Đoạn văn 18,28–19,16a kết thúc ở 19,16a, vì hai lần từ “họ” trong c. 16 chỉ hai nhóm người khác nhau. Người thuật chuyện kể: “Bấy giờ ông ấy trao Người cho

họ để Người bị đóng đinh vào thập giá (19,16a). Vậy *họ* điều Đức Giê-su đi (19,16b).” “Họ” ở c. 16a chỉ các thượng tế, thuộc hạ và những người Do-thái đã đối chất với Phi-la-tô và đòi đóng đinh Đức Giê-su. “Họ” ở c. 16b là những người điều Đức Giê-su đi, họ thực hiện việc đóng đinh Đức Giê-su, đó là lính tráng, được nói đến khi họ chia áo Đức Giê-su ở 19,23-24. Vì thế 19,16a thuộc về đoạn văn trước và 19,16b bắt đầu một đoạn văn mới.

18,28–19,16a làm thành một đoạn văn có sự phân đoạn rõ ràng qua (1) sự thống nhất về thời gian: Từ sáng sớm (18,28) tới trưa (19,14); (2) sự thống nhất về không gian: Trình thuật diễn ra bên trong và bên ngoài dinh Phi-la-tô; (3) sự thống nhất về nhân vật: Thuật lại các cuộc đối thoại giữa Phi-la-tô và những kẻ tố cáo Đức Giê-su, giữa Phi-la-tô và Đức Giê-su; và (4) sự thống nhất về nơi chốn: Trước 18,28 Đức Giê-su ở nhà Cai-pha (18,24), trong đoạn văn 18,28–19,26a, Đức Giê-su ở dinh Phi-la-tô và sau 19,16a, Người vác thập giá đi Gôn-gô-tha (19,16b-17).

Lý giải giới hạn đoạn văn được chọn để đọc là cần thiết vì nó tác động đến ý nghĩa của bản văn. Dù đoạn văn ngắn hay dài cũng cần chỉ ra những dấu hiệu nào cho phép khởi đầu và kết thúc đoạn văn như thế. Đoạn văn đã chọn là một phần của bản văn lớn hơn, nên bước tiếp theo là phân tích bối cảnh văn chương của đoạn văn.

2. *Bối cảnh văn chương*

Đặt bản văn trong bối cảnh chung rộng lớn hơn giúp định hướng phần nào ý nghĩa đoạn văn. Câu hỏi đặt ra là bản văn có những nối kết nào, liên tục hay đứt đoạn với những đoạn văn trước và sau nó? Đoạn văn bắt đầu một đề tài mới hay nối tiếp đề tài cũ? Đặt đoạn văn vào trong bối cảnh văn chương rộng lớn hơn giúp tránh hiểu lạc đề hay áp đặt lên bản văn những điều xa lạ với bối cảnh chung của đoạn văn. Thường một đoạn văn vừa liên hệ vừa đứt đoạn với những đoạn văn trước và sau nó.

Đoạn văn 18,28–19,16a là một phần của trình thuật Thương khó (Ga 18–19). Hai chương này kể việc Đức Giê-su bị bắt (18,1-12) và bị tra hỏi (18,13-27). Người xuất hiện trước Phi-la-tô (18,28–19,16a) và sau đó bị đóng đinh, chết trên thập giá (19,16b-37), rồi được mai táng (19,38-42). Đức Giê-su trong Ga 18–19 được chuyển từ nơi này đến nơi khác. Người ta đến bắt Đức Giê-su trong một thửa vườn ở bên kia suối Kít-rôn (18,1), sau đó Người được dẫn đến các nơi: dinh Khanan, nhà Cai-pha, dinh Phi-la-tô, Gôn-gô-tha, là nơi Người bị đóng đinh và được mai táng trong ngôi mộ mới trong một thửa vườn (19,41). Ga 18–19 làm thành trình thuật về “Giờ của Đức Giê-su” bắt đầu trong một thửa vườn (κῆπος) ở bên kia suối Kít-rôn và kết thúc cũng trong một thửa vườn (κῆπος) ở Gôn-gô-tha. Như thế đoạn văn 18,28–19,16a là một phần không thể tách rời khỏi bối cảnh chung của Ga 18–19.

Đồng thời đoạn văn 18,28–19,16a có những đặc điểm riêng, phân biệt với các đoạn văn khác. Những người dẫn Đức Giê-su đến dinh Phi-la-tô (18,28) không phải là những kẻ đi bắt Người (18,2), họ cũng không phải là những người dẫn Đức Giê-su đi đóng đinh (19,16b). Vậy họ là ai? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong phần phân tích nhân vật. Đức Giê-su và Phi-la-tô chỉ gặp nhau trong đoạn văn 18,28–19,16a này. Với những dấu hiệu phân đoạn nói trên, đoạn văn 18,28–19,16a phân biệt với những đoạn văn khác và làm thành một đoạn văn để phân tích.

Trong Tin Mừng thứ tư, trình thuật Đức Giê-su trước Phi-la-tô được thuật lại với nhiều chi tiết không có trong Tin Mừng Nhất lãm. Trong Tin Mừng thứ tư, việc Kha-nan chất vấn Đức Giê-su chỉ được tóm kết trong một câu: “Thượng tế hỏi Đức Giê-su về các môn đệ của Người và về giáo huấn của Người” (18,19), những gì xảy ra ở nhà Cai-pha không được kể lại, vì ông này đã đóng vai trò của mình ở ch. 11 khi đề nghị một người chết thay cho toàn dân (11,49-50), còn trình thuật Đức Giê-su trước Phi-la-tô được kể dài đến 30 câu (18,28–19,16a), Phi-la-tô “đi ra”, “đi vào” nhiều lần để trao đổi với những kẻ tố cáo Đức Giê-su, ở bên trong dinh ông đối đáp với Đức Giê-su. Vì những kẻ tố cáo “không có quyền xử tử” (18.31), nên mục đích trong đoạn văn 18,28–19,16a là để được phép xử tử Đức Giê-su. Nhưng lý do này chỉ là bề mặt, vì khi dành một phần quan trọng để kể câu chuyện *Đức Giê-su trước Phi-la-tô*, người thuật chuyện có thể gửi gắm vào đoạn

văn này những ý nghĩa thần học quan trọng. Để đọc ra ý nghĩa đó, cần tìm ra cấu trúc của đoạn văn 18,28–19,19a, nhờ quan sát các yếu tố thời gian, không gian và nhân vật.

3. Cấu trúc đoạn văn 18,28–19,16a

Sau khi thực hiện bước thứ nhất (lý giải giới hạn đoạn văn) và bước thứ hai (đặt đoạn văn trong bối cảnh văn chương của nó), bước thứ ba là tìm cấu trúc của đoạn văn. Mục đích của việc tìm cấu trúc là để biết bản văn nói gì và nói như thế nào. Bản văn được chia làm mấy phần, gồm các đề tài nào và được diễn tả bằng từ ngữ nào? Các ý tưởng tiến triển, liên kết và tương quan với nhau như thế nào? Cấu trúc đoạn văn được thiết lập nhờ các yếu tố thời gian, nơi chốn, nhân vật, từ ngữ, đề tài trong đoạn văn.

Thời gian trong đoạn văn 18,28–19,16a trải dài suốt buổi sáng vào ngày áp lễ Vượt Qua. Những kẻ tố cáo Đức Giê-su dẫn Người đến dinh Phi-la-tô vào lúc “trời vừa sáng” (18,28) và cuộc trao đổi kết thúc vào “khoảng 12 giờ trưa vào ngày áp lễ Vượt Qua” (19,14). Về nơi chốn, câu chuyện diễn tiến tại dinh Phi-la-tô và được chia làm hai phần: Bên trong dinh (bị nhiễm ứ) và bên ngoài dinh (không bị nhiễm ứ). Các nhân vật được chia làm hai nhóm: Bên trong dinh có “Đức Giê-

su”⁷⁷ và “quân lính (στρατιῶται)” (19,2); bên ngoài dinh có “những người Do-thái (Ἰουδαῖοι)” (18,31.36.38; 19,7.12.14), “các thượng tế (ἀρχιερεῖς)” (18,35; 19,6.15) và “các thuộc hạ (ὑπηρέται)” (19,6). Nhân vật “đi ra”, “đi vào” giữa “bên trong” và “bên ngoài” dinh là Phi-la-tô.⁷⁸ Nhóm nhân vật ở bên ngoài dinh được giới thiệu ở đầu đoạn văn 18,28–19,16a bằng đại từ “họ”: “Vậy họ dẫn Đức Giê-su từ nhà Cai-pha đến dinh tổng trấn” (18,28a). “Họ” ở đây không chỉ là “những người Do-thái” mà thôi⁷⁹ mà còn bao gồm cả “các thượng tế” và “các thuộc hạ” các nhân vật này sẽ xuất hiện dần dần trong đoạn văn 18,28–19,16a. Đại từ “họ”, mở đầu (18,28) và kết thúc đoạn văn (19,16a) là có chủ ý (sẽ bàn đến “họ” trong phần sau).

⁷⁷ Tên của Đức Giê-su (Ἰησοῦς) được nhắc đến 12 lần trong đoạn văn 18,28–19,16a:

18,28.32.33.34.36.37; 19,1.5.9a.9b.11.13.

Người được gọi là Con Thiên Chúa (19,7) và được gọi là vua trong suốt đoạn văn:

18,33.37a.37b.39; 19,3.12.14.15a.15b.

⁷⁸ Tên nhân vật Phi-la-tô (Πιλάτος) xuất hiện 15 lần trong đoạn văn 18,28–19,16a:

18,29.31.33.35.37.38; 19,1.4.5.6.8.10.12.13.15.

⁷⁹ *Tân Ước, có hiệu đính, CGKPV* (2008) dịch chủ từ “họ” (18,28) là “người Do-thái”. Nhiều bản dịch giữ nguyên đại từ “họ” (Nguyễn Thế Thuấn, 1976; *TOB*, 1998; *BJ*, 2000).

Về từ ngữ, nhiều kiểu nói liên quan đến nhân vật Đức Giê-su. Đầu bản văn, Đức Giê-su bị tố cáo là “người làm điều ác” (18,30) và bị đặt ngang hàng với Ba-ra-ba, một tên cướp (18,40). Những kẻ tố cáo đòi đóng đinh Người (19,6.15), giữa đoạn văn họ lại tố cáo Đức Giê-su tự xưng là Con Thiên Chúa (19,7), và đến cuối bản văn, những kẻ tố cáo họ kết tội Đức Giê-su là xưng làm vua (19,12). Còn Phi-la-tô, ông dùng danh xưng “vua dân Do-thái (ὁ βασιλεὺς τῶν Ἰουδαίων)” (18,33.39; 19,14.15) để gọi Đức Giê-su. Ông tuyên bố Người vô tội (18,38; 19,6) và tìm cách tha Người (19,12). Ông giới thiệu Đức Giê-su cách long trọng với những kẻ tố cáo: “Đây là Người (ἰδοὺ ὁ ἄνθρωπος)” (19,5) và “Đây là vua của các ngươi (ἴδε ὁ βασιλεὺς ὑμῶν)” (19,14). Như thế đề tài chính của đoạn văn có thể là “vương quyền” của Đức Giê-su.

Dựa vào yếu tố không gian (bên trong, bên ngoài) và việc Phi-la-tô “đi ra”, “đi vào” từ đầu đến cuối trình thuật, đoạn văn 18,28–19,16a có thể được cấu trúc với câu dẫn nhập (18,28) và câu kết (19,16a), phần nội dung cấu trúc thành hai phần song song (18,29-40 và 19,4-15), với phần chuyển tiếp (19,1-3) ở giữa hai cấu trúc song song này. Mỗi phần nhỏ lại có cấu trúc đồng tâm (đối ngẫu) A, B, C, B', A' như sau:⁸⁰

⁸⁰ Xem kiểu sắp xếp khác trong phần các ví dụ về cấu trúc trình bày ở trên (xem tr. 81).

Cấu trúc 18,18–19,16a

18,28: *Dẫn nhập. “Họ” dẫn ĐGS đến dinh Phi-la-tô*

- A. 18,29-30: ĐGS, người làm điều ác. Bên ngoài
B. 18,31-32: Người Do-thái xin hành quyết. Bên ngoài
C. 18,33-38a: ĐGS và Phi-la-tô. **Bên trong**
B'. 18,38b: ĐGS vô tội. Bên ngoài
A'. 18,39-40: Ba-ra-ba và ĐGS. Bên ngoài

19,1-3: *Chuyển tiếp. Dấu chỉ vương quyền. Bên trong*

- AA. 19,4-6: “Đây là Người”, vương quyền. Bên ngoài
BB. 19,6-8: “Xung là Con Thiên Chúa”. Bên ngoài
CC. 19,9-11: ĐGS và Phi-la-tô. **Bên trong**
BB'. 19,12: “Xung là Xê-da”. Bên ngoài
AA'. 19,13-15: “Đây là vua của các người”. Bên ngoài

19,16b: *Kết. Phi-la-tô trao ĐGS cho “họ”*

Đoạn văn 18,28–19,16a được cấu trúc chặt chẽ với phần dẫn nhập (18,28), giới thiệu thời gian, nơi chốn và bối cảnh. Nếu như trong phần mở đầu “họ” dẫn Đức Giê-su đến với Phi-la-tô thì trong phần kết, Phi-la-tô lại trao Đức Giê-su cho “họ”. Xem ra chẳng có gì mới về thân phận Đức Giê-su, vì ngay từ đầu người thuật chuyện cho biết những gì xảy ra là để ứng nghiệm lời Đức Giê-su đã nói về “Người sẽ phải chết cách nào” (18,32). Nếu Đức Giê-su sẽ phải chết thì trình thuật 18,28–19,16a nói về điều gì và nói thế nào với độc giả?

Hai cấu trúc đồng tâm song song A, B, C, B', A' và AA, BB, CC, BB', AA' được thiết lập dựa vào sự di chuyển của Phi-la-tô từ “bên trong” ra “bên ngoài” dinh

và ngược lại. Phần chuyển tiếp (19,1-3), không có đối thoại, trình bày những dấu chỉ vương quyền cách tương phản: Vị vua bị đánh đòn, lời chào kèm theo và mặt. Cấu trúc cho thấy Đức Giê-su đi từ một kẻ làm điều ác (A) đến một vị vua (AA'). Qua các yếu tố B và B'; BB và BB', Đức Giê-su từ một kẻ bị buộc tội (B) trở thành vô tội (B'). Từ chỗ bị đặt ngang hàng với Ba-ra-ba, Người được nâng lên làm Con Thiên Chúa (BB) và được gọi là vua (BB'). Các yếu tố C và CC là những đối thoại ở bên trong dinh giữa Đức Giê-su và Phi-la-tô. Trong đoạn văn 18,28–19,16a, Đức Giê-su chỉ trao đổi với Phi-la-tô, đối thoại giữa Đức Giê-su và những kẻ tố cáo đã bị cắt đứt bởi ranh giới “bên trong” và “bên ngoài”. Chính ở trên phần đất được xem là nhiệm uest mà Đức Giê-su mặc khái ý nghĩa của “vương quyền” và “quyền bính” cho Phi-la-tô (người đại diện đế quốc Rô-ma), và qua ông, Đức Giê-su nói với thế giới dân ngoại.

Để chuẩn bị phân tích đoạn văn, việc lý giải giới hạn đoạn văn, phân tích bối cảnh văn chương và cấu trúc như trên đã giúp quan sát kỹ bản văn 18,28–19,16a. Những phân tích sau đây nhằm tìm hiểu ý nghĩa của đoạn văn, nghĩa là điều mà người thuật chuyện muốn người đọc nhận ra qua nội dung và cách trình bày câu chuyện.

II. Hiểu đoạn văn

Những gì xảy ra bên ngoài dinh Phi-la-tô liên quan đến nhân vật Phi-la-tô và những kẻ tố cáo Đức Giê-su. Mặc dù Đức Giê-su không giao tiếp với họ nhưng tất cả các trao đổi bên ngoài dinh đều liên quan đến Người. Chúng ta sẽ tập trung phân tích ba nhân vật: Những kẻ tố cáo, Phi-la-tô và Đức Giê-su qua đề tài sự thật. Vì theo cách trình bày câu chuyện, sự thật về các nhân vật này được tỏ lộ dần dần trong đoạn văn 18,28–19,16a.

1. Sự thật về những kẻ tố cáo Đức Giê-su

Cấu trúc đoạn văn 18,28–19,16a mở đầu và kết thúc với đại từ “họ”. Họ là ai? Nhóm nhân vật này tỏ lộ dần dần qua câu chuyện. Ở 18,28-30 người đọc chưa biết “họ” là ai, nhưng đến 28,31, thì nhân vật “những người Do-thái” (οἱ Ἰουδαῖοι) xuất hiện: “Những người Do-thái nói với ông ấy: ‘Chúng tôi không được phép xử tử ai cả’” (18,31b). Sau đó lại xuất hiện nhân vật “các thượng tế” ở 18,35; 19,6.15 và “các thuộc hạ” ở 19,6.

Trong đoạn văn 18,28–19,16a, các nhóm nhân vật “những người Do-thái” và “các thượng tế” gần như đồng nhất với nhau. Quả vậy, ở 18,35, Phi-la-tô hỏi Đức Giê-su: “Dân của Ông và *các thượng tế* đã nộp Ông cho tôi. Ông đã làm gì?”, nhưng trong câu trả lời, Đức Giê-su lại nói: “Nếu Nước của Tôi thuộc về thế gian này, thuộc hạ của Tôi đã chiến đấu để Tôi không bị nộp cho *những người Do-thái*” (18,36). Nếu ở 19,6 *các thượng tế cùng các thuộc hạ* kêu lên: “Hãy đóng đinh

vào thập giá, hãy đóng đinh vào thập giá”, thì ở 19,15 *những người Do-thái* kêu lên rằng: “Đem đi, đem đi, hãy đóng đinh Nó vào thập giá” (19,15). Như thế có sự đồng nhất giữa hai nhóm nhân vật này. Về mặt chủng tộc thì *các thượng tế là những người Do-thái*, nhưng về mặt văn chương, Tin Mừng thứ tư cho phép phân biệt hai nhóm nhân vật “các thượng tế” và “những người Do-thái”.

Trong Tin Mừng, nhóm “những người Do-thái” tranh luận trực tiếp với Đức Giê-su từ ch. 2 đến ch. 10, trong khi nhóm “các thượng tế” xuất hiện khá muộn (từ ch. 7).⁸¹ Đặc điểm của nhóm “các thượng tế” là không tranh luận trực tiếp với Đức Giê-su. Xuất hiện cùng với nhóm Pha-ri-sêu trong việc tìm bắt Đức Giê-su (7,32-45), trong việc quyết định giết Đức Giê-su (11,47-57). “Các thượng tế” quyết định giết cả La-da-rô (12,10). Trong đoạn văn 18,28–19,16a, nhóm “các thượng tế” cùng với nhóm “những người Do-thái” nộp Đức Giê-su cho Phi-la-tô và đòi đóng đinh Người. Việc hai nhóm này xuất hiện trong đoạn văn 18,28–

⁸¹ Từ ἀρχιερείς (các thượng tế), ở số nhiều, xuất hiện 10 lần trong Tin Mừng thứ tư (7,32.45; 11,47.57; 12,10; 18,3.35; 19,6.15.21). Trong đó, “các thượng tế” xuất hiện như một nhóm riêng biệt 2 lần (12,10; 19,21); “các thượng tế” đi kèm với “những người Pha-ri-sêu” 5 lần (7,32.45; 11,47.57; 18,3) và “các thượng tế” xuất hiện với nhóm “những người Do-thái” 3 lần (18,35; 19,6.15), chỉ trong đoạn văn 18,28–19,16a.

19,16a là có ý nghĩa. Nhóm nhân vật “những người Do-thái” gọi lại tất cả những tranh luận giữa họ với Đức Giê-su trong suốt Tin Mừng. Nhóm “các thượng tế” gọi lại việc họ triệu tập Thượng Hội Đồng, quyết định giết Đức Giê-su (11,47-53) và ra lệnh bắt Người (11,57). Vì thế đại từ “họ” trong đoạn văn 18,28–19,16a chỉ hai nhóm này và có thể gọi “họ” là “những kẻ tố cáo Đức Giê-su”. Bản văn không trình bày rõ ràng ngay từ đầu ai là người dẫn Đức Giê-su đến dinh Phi-la-tô mà chỉ dùng đại từ “họ”.

Sự tỏ lộ dần dần qua bản văn phù hợp với sự tỏ lộ khác cũng dần dần, đó là những điều họ tố cáo Đức Giê-su trước Phi-la-tô. Chỉ khi đọc đến cuối đoạn văn, độc giả mới biết hết ý định của những kẻ tố cáo Đức Giê-su. Khởi đầu, họ kết tội Đức Giê-su là “người làm điều ác” (18,30). Họ đòi tha Ba-ra-ba là một tên cướp (18,40), nghĩa là Đức Giê-su được xếp vào hàng trộm cướp. Theo họ, Đức Giê-su đáng tội chết vì làm điều ác. Kế đến, họ để lộ ra một lý do sâu xa hơn: Đức Giê-su phải chết vì Người tự xưng là Con Thiên Chúa, họ nói với Phi-la-tô: “Chúng tôi, chúng tôi có Lễ Luật; và chiếu theo Lễ Luật, thì Ông ta phải chết vì đã cho mình là Con Thiên Chúa” (19,7). Đến cuối đoạn văn, họ lại tố cáo Đức Giê-su về tội chính trị, khi họ nói với Phi-la-tô: “Nếu ông tha người này, ông không là bạn của Xê-da. Bất cứ ai tự cho mình là vua thì chống lại Xê-da” (19,12). Như thế những kẻ nộp Đức Giê-su tố cáo Người ba tội: Tội hình sự (làm điều ác, 18,40); tội phạm thượng (xưng là Con Thiên Chúa, 19,7) và tội

chính trị (xung là vua, 19,12). Ba tội danh này nhằm để đạt được điều mà những kẻ tố cáo muốn làm mà họ không được phép làm: Giết Đức Giê-su, họ nói rõ sự bất lực của họ với Phi-la-tô: “Chúng tôi không được phép xử tử ai cả” (18,31). Câu giải thích của người thuật chuyện ở 18,32: “Thế là ứng nghiệm lời Đức Giê-su, lời Người nói về Người sẽ phải chết cách nào”, cho thấy số phận Đức Giê-su đã được quyết định từ trước. Trình thuật Đức Giê-su trước Phi-la-tô không phải là để đưa Người ra xét xử, nhưng qua trình thuật, người thuật chuyện muốn làm sáng tỏ sự thật sâu xa hơn về các nhân vật (những kẻ tố cáo, Phi-la-tô và Đức Giê-su).

Sự thật bên trong của những kẻ tố cáo được tỏ lộ dần dần qua các yếu tố thời gian và nơi chốn. Lúc trời vừa sáng (18,28) mọi sự chưa sáng tỏ, người đọc chưa biết “họ” là ai và chưa hiểu hết ý định của “họ”. Nhưng đến cuối trình thuật, vào lúc 12 giờ trưa (19,14) thì sự thật về họ được tỏ lộ. “Họ” là “những người Do-thái” và “các thượng tế”, là những kẻ chống đối và bách hại Đức Giê-su trong suốt sứ vụ công khai của Người. Họ không dám vào dinh Phi-la-tô để không bị nhiễm unction, nhưng lại tìm mọi cách để giết Đức Giê-su. Họ là những người trung thành với Thiên Chúa trong việc giữ luật thanh sạch để dự lễ Vượt Qua thì đến cuối đoạn văn, giữa thanh thiên bạch nhật họ tuyên bố: “Chúng tôi không có vua nào cả ngoài Xê-da” (19,15).

Qua cách trình bày các nhân vật như thế, người thuật chuyện đã tạo ra một sự đảo lộn ngoạn mục.

Những kẻ tố cáo Đức Giê-su tìm mọi cách để giết Người mà không quan tâm đến việc xét xử (phân định xem bị cáo có tội hay vô tội) làm cho họ trở thành “những người làm điều ác” chứ không phải là Đức Giê-su. Sự đảo lộn về không gian cũng là độc đáo của đoạn văn. Ngay từ đầu, sự phân biệt bên trong dinh (bị nhiễm ứ thuộc về dân ngoại) và bên ngoài dinh (thuộc phần đất không bị nhiễm ứ) mang ý nghĩa tôn giáo. Không gian địa lý này gọi về không gian thần học vì “bên ngoài” dinh thuộc về dân Thiên Chúa và “bên trong” thuộc về dân ngoại. Những kẻ nộp Đức Giê-su được giới thiệu như là những người trung thành với Thiên Chúa, họ không vào trong dinh để có thể dự lễ Vượt Qua kính Đức Chúa là Đấng đã cứu dân khỏi ách nô lệ Ai-cập. Họ từng phục Thiên Chúa đến mức ai nói phạm thượng thì phải chết, vì Dân Thiên Chúa chỉ tôn thờ một mình Thiên Chúa. Trớ trêu thay, cuối đoạn văn họ lại tuyên bố Xê-da là vua của họ, trong khi Thiên Chúa mới là Vua thực sự của họ. Về bên ngoài, họ trung thành với Thiên Chúa, nhưng thực ra họ tôn thờ Xê-da (19,15).

Như thế không gian thần học bị đảo lộn, những kẻ giữ luật, tránh bị nhiễm ứ qua hình thức bên ngoài thì lại làm lộ ra thái độ của dân ngoại, tung hô Xê-da và bất trung với Thiên Chúa, vì họ đòi giết Đức Giê-su là Đấng Thiên Chúa sai đến. Qua cách trình bày nhân vật như trên, bản văn làm lộ ra bộ mặt thật của những kẻ tố cáo. Đức Giê-su đã tố cáo tội của họ khi Người nói với Phi-la-tô: “Kẻ nộp tôi cho ngài thì mắc tội nặng

hon” (19,11b). Người thuật chuyện mời gọi người đọc nhận ra những ý nghĩa trên về những kẻ chống đối Đức Giê-su.

2. Sự thật về Phi-la-tô

Phi-la-tô là nhân vật trung tâm. Ông làm cầu nối giữa bên trong và bên ngoài dinh. Thoạt đầu ông không muốn liên lụy đến vụ xét xử Đức Giê-su khi ông nói với những kẻ tố cáo Đức Giê-su: “Các ngươi cứ đem Ông ấy đi và xét xử Ông ấy theo luật của các ngươi” (18,31a). Sự chối từ của Phi-la-tô cho thấy Đức Giê-su không nguy hiểm cho sự cai trị của đế quốc Rô-ma, đó chỉ là xung đột nội bộ giữa những kẻ tố cáo và Đức Giê-su. Nhưng đối với những kẻ tố cáo, vấn đề không phải là xét xử để biết Đức Giê-su có tội hay vô tội, mà là họ tìm cách để giết Người. Họ lôi kéo Phi-la-tô vào cuộc đương đầu với những đối đáp ngày càng gay gắt. Khởi đầu, khi họ kết tội Đức Giê-su làm điều ác thì Phi-la-tô lại quan tâm đến tư cách “vua dân Do-thái” (18,33) của Người, và ông tuyên bố ngược với điều họ tố cáo: Ông không tìm được lý do để kết tội Đức Giê-su (18,38). Khi những kẻ tố cáo đòi giết Đức Giê-su bằng cách hô lên: “Hãy đóng đinh vào thập giá” (19,6) và “Đem đi, đem đi, hãy đóng đinh Nó vào thập giá” (9,15a) thì Phi-la-tô đáp lại cách mỉa mai: “Ta đóng đinh vua của các ngươi sao?” (19,15b) Những kẻ tố cáo đòi giết thì Phi-la-tô lại tìm cách tha (19,12). Ông khẳng định ba lần Đức Giê-su vô tội (18,38; 19,4.6). Như thế Phi-la-tô đã dùng Đức Giê-su để đối đầu với những kẻ tố cáo Người.

Trong đoạn văn, Phi-la-tô xử sự cách mâu thuẫn và bất công với Đức Giê-su. Thật thế, mâu thuẫn và bất công trước tiên là ông tuyên bố không tìm thấy điều gì để kết tội Đức Giê-su nhưng lại đặt Người ngang hàng với Ba-ra-ba. Tục lệ ân xá trong dịp lễ dành cho các tội nhân chứ không phải dành cho người vô tội, việc ông đề nghị với những kẻ tố cáo lựa chọn giữa Đức Giê-su và Ba-ra-ba là xếp Người vào hạng trộm cướp. Mâu thuẫn và bất công thứ hai là nếu Đức Giê-su vô tội tại sao Phi-la-tô lại cho đánh đòn (19,1) và để quân lính nhục mạ Người? (19,2-3) Hơn nữa sau khi cho đánh đòn, chính Phi-la-tô lại tuyên bố Đức Giê-su vô tội (19,4). Mâu thuẫn và bất công thứ ba là Phi-la-tô tuyên bố ông có quyền tha hay đóng đinh Đức Giê-su, nhưng ông lại không thi hành quyền này. Ông không tuyên bố Đức Giê-su có tội hay vô tội mà chỉ làm theo đòi hỏi của những kẻ tố cáo, ông đã trao Đức Giê-su cho họ (19,16b). Sự thật về Phi-la-tô lộ tỏ khi những kẻ tố cáo đe dọa: “Nếu ông tha người này, ông không là bạn của Xê-da. Bất cứ ai tự cho mình là vua thì chống lại Xê-da” (19,12). Vì quyền lợi của ông bị đe dọa, ông đành thí bỏ Đức Giê-su. Ông không dám xét xử⁸² Người theo sự thật. Ông không dám đứng về phía sự thật và thi hành việc xét xử.

⁸² Động từ *xét xử* ở đây hiểu là động từ kép: Trước là *xét* xem bị cáo đúng hay sai, vô tội hay có tội, sau đó tuyên án *xử*, nghĩa là tuyên bố hình phạt nếu bị cáo có tội và tuyên bố *tha* nếu bị cáo vô tội.

Sự thật về Phi-la-tô trong đoạn văn 18,28–19,16a là ông chủ ý chọc tức và làm nhục những kẻ tố cáo Đức Giê-su. Ông gọi Đức Giê-su là vua của họ, nhưng đó là vua hề không có chút quyền lực. Ông là người sử dụng quyền hành cách độc đoán vì ông vừa tuyên bố Đức Giê-su vô tội vừa cho đánh đòn Người. Qua những mâu thuẫn và bất công nơi nhân vật Phi-la-tô trong đoạn văn, người thuật chuyện cho thấy ông cũng chẳng hơn gì những kẻ tố cáo Đức Giê-su. Ông cũng có tội, nhưng những kẻ nộp Đức Giê-su cho ông thì mắc tội nặng hơn (19,11).

Sự đối đầu giữa Phi-la-tô và những kẻ tố cáo vừa cho người đọc thấy ý định giết Đức Giê-su của những kẻ tố cáo, và thái độ không dám đứng về phía sự thật của Phi-la-tô (18,37b). Như thế, câu chuyện làm lộ ra sự thật về Phi-la-tô, sự thật về sự lựa chọn của ông, sự thật về cách ông thực thi quyền hành. Phi-la-tô không xét xử Đức Giê-su, vậy ai mới thực sự là người xét xử trong câu chuyện? Những sự thật khác về Phi-la-tô sẽ được bàn tới trong phân tích những lời ông trao đổi với Đức Giê-su.

3. Sự thật về Đức Giê-su

Đức Giê-su trong đoạn văn 18,28–19,16a không nói nhiều nhưng Người là nhân vật chính. Tất cả các nhân vật khác đều nói về Người và chỉ tồn tại trong tương quan với Người. Sự đảo lộn cũng xảy ra với Đức Giê-su phù hợp với diễn tiến câu chuyện từ tờ mờ sáng đến giữa trưa. Chân tính của Đức Giê-su lộ tỏ dần dần

trong câu chuyện. Khởi đầu Đức Giê-su bị tố cáo là người làm điều ác và bị đặt ngang hàng với quân trộm cướp. Giữa đoạn văn, Người là Con Thiên Chúa và cuối đoạn văn Người là vua dân Do-thái. Dưới hình thức những lời tố cáo, châm biếm, nhục mạ, sự thật về Đức Giê-su được bày tỏ.

Đối với độc giả, nếu như Đức Giê-su phải chết vì tội tự xưng là Con Thiên Chúa thì cái chết đó minh chứng rằng: Người đích thật là Con Thiên Chúa. Sự thật về tư cách vua của Đức Giê-su là đề tài quan trọng của đoạn văn. Không phải vô tình mà câu đầu tiên Phi-la-tô hỏi Đức Giê-su: “Ông có phải là vua dân Do-thái không?” (18,33) Người thuật chuyện dẫn vào đề tài vương quyền của Đức Giê-su cách đột ngột bằng câu hỏi của Phi-la-tô. Sau đó đề tài này xuyên suốt bản văn với hai từ βασιλεύς (vua) và βασιλεία (vương quyền, vương quốc). Tất cả các nhân vật khác đều nói đến tư cách vua của Đức Giê-su. Phi-la-tô gọi Đức Giê-su là “vua dân Do-thái”, ông biết Đức Giê-su không phải là vua theo nghĩa chính trị mà chỉ là vua hèn. Thái độ và hành động của quân lính cho thấy điều đó, người thuật chuyện kể: “Những người lính kết một vương miện bằng cây gai đặt lên đầu Người, và khoác cho Người một áo choàng đỏ tía. Họ đến gần Người và nói: ‘Kính chào vua những người Do-thái’, và họ đánh Người” (19,2-3). Về phía những kẻ tố cáo, họ lại kết tội Đức Giê-su tự xưng là vua theo nghĩa chính trị để dồn Phi-la-tô vào chân tường, họ nói với ông ấy: “Bất cứ ai tự cho mình là vua thì chống lại Xê-da” (19,12). Đối với

người đọc, tất cả những lời nói về vương quyền của Đức Giê-su ở bên ngoài dinh Phi-la-tô, nhằm minh họa cho đề tài vương quyền, được Đức Giê-su mặc khải ở bên trong dinh.

Phân tích những gì xảy ra bên trong dinh (hai cuộc đối thoại giữa Đức Giê-su và Phi-la-tô và việc quân lính chế nhạo) sẽ làm sáng tỏ sự thật về Đức Giê-su. Cuộc đối thoại thứ nhất (18,33-38a) có thể tóm kết:

<i>Phi-la-tô</i>	<i>Đức Giê-su</i>
c.33: Ông là vua dân Do-thái?	c.34: Ai nói?
35: Tôi là người Do-thái sao? Ông đã làm gì?	36: Không trả lời câu hỏi. Mặc khải về vương quốc.
37a: Vậy ông là vua sao?	37b: Xác nhận gián tiếp. Mặc khải về sứ vụ.
38a: Sự thật là gì?	

Trong đối thoại thứ nhất (18,33-38a), Phi-la-tô đặt ra cho Đức Giê-su năm câu hỏi (18,33.25a.35b.37a.38a). Điều này chứng tỏ ông là người chất vấn, người hỏi cung, người đang thi hành quyền xét xử. Nhưng cách trả lời của Đức Giê-su làm cho tình thế bị đảo ngược. Đức Giê-su không trả lời trực tiếp những câu hỏi của Phi-la-tô. Ba lần đối thoại làm lộ ra tư cách của Đức Giê-su.

Trong lời thoại thứ nhất, Phi-la-tô hỏi Đức Giê-su: Người có phải là vua dân Do-thái không (18,33). Người

không trả lời, nhưng hỏi lại Phi-la-tô: “Ngài tự mình nói điều ấy, hay những người khác đã nói với ngài về Tôi?” (18,34) Việc Đức Giê-su đặt câu hỏi cho người hỏi cung cho thấy tình huống đã bắt đầu thay đổi ngay từ câu đầu tiên, vì người bị kết tội lại đặt câu hỏi cho người có quyền xét xử.

Trong câu hỏi thứ hai, Phi-la-tô tự phân biệt mình với những người Do-thái: “Tôi là người Do-thái sao?” (18,35a), và ông cho thấy vai trò của các nhân vật khi nói: “Dân của ông và các thượng tế đã nộp ông cho tôi” (18,35b). Như thế, vị trí của các nhân vật được phân định: Phía tố cáo là dân và các thượng tế; người xét xử là Phi-la-tô; và người bị tố cáo là Đức Giê-su. Câu hỏi tiếp theo của Phi-la-tô liên quan đến việc làm. Ông ấy hỏi Đức Giê-su: “Ông đã làm gì?” (18,35c) Đức Giê-su không trả lời trực tiếp câu hỏi này, thay vì trả lời Người mặc khải về vương quốc: “Nước của Tôi không thuộc về thế gian này. Nếu Nước của Tôi thuộc về thế gian này, thuộc hạ của Tôi đã chiến đấu để Tôi không bị nộp cho những người Do-thái. Nhưng thật ra, Nước của Tôi không ở chốn này” (18,36). Đức Giê-su gián tiếp nói về tư cách vua của Người, vì vương quyền đi đôi với vương quốc. Câu nói của Đức Giê-su (18,36) vừa đi vào chủ đề vương quyền mà Phi-la-tô đã hỏi ở 18,33 vừa cho thấy tại sao Người có mặt trước Phi-la-tô như là kẻ bị tố cáo.

Diễn tiến cuộc đối thoại cho thấy Đức Giê-su là người chủ động dẫn chuyện. Người kéo Phi-la-tô trở lại

đề tài vương quyền, vì trong lời thoại thứ ba, Phi-la-tô hỏi: “Vậy Ông là vua sao?” (18,38a) Đức Giê-su khẳng định gián tiếp: “Chính ngài nói rằng Tôi là vua” (18,37b) và Người mặc khải về sứ vụ: “Vì điều này, Tôi đã sinh ra, và vì điều này, Tôi đã đến thế gian để làm chứng cho sự thật, bất cứ ai thuộc về sự thật thì nghe tiếng Tôi” (18,37c). Mặc khải này là câu trả lời về việc làm của Người mà Phi-la-tô đã hỏi trước đây: “ông đã làm gì?” (18,35c) Đức Giê-su tóm kết sứ vụ của Người bằng cụm từ: “Làm chứng cho sự thật (μαρτυρήσω τῆ ἀληθεία).” Một lần nữa, Đức Giê-su gợi ý để Phi-la-tô hỏi: “Sự thật là gì?” (18,38a) và sau khi hỏi xong, Phi-la-tô bỏ đi ra ngoài, ông không muốn nghe nói về sự thật, có lẽ vì ông không dám đứng về phía sự thật, ông đã không dám bênh vực sự thật về Đức Giê-su vì sợ mất danh hiệu “bạn của Xê-da” (19,12).

Tóm lại, đề tài chính trong cuộc đối thoại thứ nhất ở bên trong dinh (18,33-38a) là tư cách vua của Đức Giê-su, Người nói về vương quyền và vương quốc của Người. Chính Người dẫn câu chuyện và gợi ý cho Phi-la-tô đặt câu hỏi. Người trả lời các câu hỏi của Phi-la-tô sau một nhịp, nghĩa là Phi-la-tô hỏi câu thứ hai thì Đức Giê-su trả lời câu thứ nhất. Ông hỏi câu thứ ba thì Đức Giê-su trả lời câu thứ hai. Đối thoại tiến triển như sau: Phi-la-tô hỏi về tư cách vua thì Đức Giê-su không trả lời mà hỏi lại Phi-la-tô (18,34). Phi-la-tô hỏi về việc làm thì Đức Giê-su lại trả lời về vương quốc và vương quyền (18,36). Phi-la-tô hỏi trở lại về tư cách vua thì Đức Giê-su lại nói về việc làm của Người (18,37). Qua

cách trình bày như thế, Đức Giê-su là người chủ động trong cuộc đối thoại. Người nói với tư cách là Đấng mặc khải chứ không phải như người bị chất vấn. Cuối cuộc trao đổi thứ nhất, Phi-la-tô đã ở vào thế bị động, ông không dám đối diện với sự thật. Ông sợ đối diện với sự thật về Đức Giê-su và sự thật về chính ông.

Phần chuyển tiếp (19,1-3) làm tỏ lộ sự thật về Phi-la-tô và sự thật về vương quyền của Đức Giê-su không phải bằng lời nói mà qua những gì quân lính làm. Tiểu đoạn 19,1-3 có cấu trúc đồng tâm A, B, A' với sự tương phản giữa “không có quyền” và “những dấu chỉ về quyền hành”:

A. 19,1: Không có quyền. *DGS bị đánh đòn.*

B. 19,2-3a: Ba dấu chỉ vương quyền:
vương miện, áo choàng đỏ, lời chào

A'. 19,3b: Không có quyền. *DGS bị quân lính đánh.*

Những gì quân lính làm cho Đức Giê-su là để chế nhạo, để làm cho Người trở thành vua hề, một vị vua không có quyền lực. Một vị vua mà thực ra quân lính mới là những người có quyền. Vương miện bằng gai do quân lính đặt lên đầu Đức Giê-su, áo choàng đỏ do quân lính khoác, họ cúi chào và lập tức chứng tỏ quyền hành bằng cách đánh Người. Đức Giê-su được trình bày như là người bị tước hết mọi quyền hành, bị xỉ nhục, bị đối xử bất công. Phi-la-tô dùng quyền hành cách độc đoán vì cho đánh đòn Đức Giê-su khi không

tìm thấy điều gì để kết tội Người. Phi-la-tô tỏ ra thiếu trách nhiệm trong việc thi hành quyền bính mà Đức Giê-su sẽ tố cáo trong cuộc đối thoại thứ hai (19,9-11).

Người đọc tự hỏi, việc Đức Giê-su bị xỉ nhục như là vua hề có ý nghĩa gì? Tại sao Người lại nói về vương quyền ngay trước lúc Người bị đóng đinh? Như Đức Giê-su đã nói với Phi-la-tô, vương quyền của Người không thuộc về thế gian này, nghĩa là Người không cạnh tranh với vương quyền trần thế. Phần chuyển tiếp (19,1-3) trình bày vương quyền của Đức Giê-su qua các từ “vương miện” (19,2a), “áo choàng đỏ” (19,2b), “lời chào” (19,3a) và lại kèm theo sự xỉ nhục.

Cách người thuật chuyện trình bày vương quyền như thế nhằm làm sáng tỏ ý nghĩa thần học về vương quyền của Đức Giê-su. Những yếu tố tiêu cực: “đánh đòn”, “vòng gai”, “vả mặt” nói lên sự khác biệt giữa vương quyền của Đức Giê-su và vương quyền trần thế. Chính trong lúc Người bị tước hết mọi quyền hành, lại là lúc tốt nhất để thể hiện vương quyền của Người. Khi Đức Giê-su bị tước hết mọi quyền lực trần thế, vương quyền của Người được tỏ lộ cách rõ ràng nhất. Trong hoàn cảnh như thế, vương quyền của Đức Giê-su sẽ không bị hiểu lầm, hiểu sai, hiểu lệnh lạc hay lẫn lộn với vương quyền trần thế. Ở ch. 6, sau dấu lạ hoá bánh ra nhiều, Đức Giê-su biết đám đông sẽ tôn Người làm vua, nên Người đã lánh đi (16,15) vì dân chúng chưa hiểu đúng vương quyền của Người. Trình bày vương quyền của Đức Giê-su khi Người không còn chút quyền

hành trần thế, sẽ tránh được mọi hàm hồ dị nghĩa về tư cách vua của Đức Giê-su. Như thế, phần chuyển tiếp (19,1-3) minh họa cho lời nói của Đức Giê-su trong cuộc đối thoại thứ nhất với Phi-la-tô: Người là Vua, Nước của Người không thuộc về thế gian này (18,37), nhưng Người thi hành vương quyền trong thế gian này. Cuộc đối thoại thứ hai với Phi-la-tô cho thấy ai là người thi hành quyền xét xử.

Đối thoại thứ hai (19,9-11) giữa Phi-la-tô và Đức Giê-su ngắn hơn đối thoại thứ nhất, gồm ba câu hỏi của Phi-la-tô và một câu trả lời của Đức Giê-su:

<i>Phi-la-tô</i>	<i>Đức Giê-su</i>
c.9a: Ông từ đâu đến?	c.9b: (Không trả lời)
10: Ông không trả lời tôi ư? Ông không biết là tôi có quyền tha Ông hay đóng đinh Ông vào thập giá?	11: Đức Giê-su mặc khải về quyền bính và kết tội. Người thi hành quyền xét xử

Cuộc đối thoại lần này bắt đầu bằng sự sợ hãi của Phi-la-tô. Khi những người Do-thái nói: “Chúng tôi, chúng tôi có Lễ Luật; và chiếu theo Lễ Luật, thì Ông ta phải chết vì đã cho mình là Con Thiên Chúa” (19,7). Người thuật chuyện cho biết: “Khi Phi-la-tô nghe lời này, ông càng sợ hơn. Ông lại trở vào dinh và nói với Đức Giê-su: ‘Ông từ đâu đến?’” (19,8-9) Phi-la-tô sợ hơn, nghĩa là trước đó ông đã sợ. Nỗi sợ của Phi-la-tô có lẽ đã nảy sinh từ cuối cuộc đối thoại thứ nhất khi

ông không dám đối diện với sự thật (18,38). Nếu ông sợ sự thật thì ông không thể thi hành quyền xét xử. Ở 19,8, Phi-la-tô sợ hơn vì một đảng Đức Giê-su nói Nước của Người không thuộc chốn này, đảng khác những người Do-thái xác nhận việc Người là Con Thiên Chúa mới là lý do đích thực khiến Người phải chết. Như thế Phi-la-tô sợ vì nhận ra rằng ông đang đối diện với Con Thiên Chúa và là vị Vua trong vương quốc của Người.

Nếu như trong cuộc đối thoại thứ nhất, Đức Giê-su cho biết Người là Vua thì trong cuộc đối thoại thứ hai, Người thi hành quyền xét xử. Phi-la-tô tự cho là có quyền khi nói với Đức Giê-su: “Ông không biết rằng tôi có quyền tha Ông và có quyền đóng đinh Ông vào thập giá sao?” (19,10) Nhưng thực ra, Phi-la-tô không có quyền, đúng hơn ông không đủ can đảm thực thi quyền hành. Đức Giê-su nói về nguồn gốc của quyền bính và Người kết tội những kẻ tố cáo và cả Phi-la-tô nữa, khi Người nói với ông ấy: “Ông không có quyền gì đối với Tôi, nếu nó không được ban cho ông từ trên, vì điều này, kẻ nộp Tôi cho ông có tội lớn hơn” (19,11).

Tình thế đã bị đảo ngược hoàn toàn, lời nói cuối cùng của Đức Giê-su với Phi-la-tô là lời kết tội, lời xét xử, lời tuyên án. Như thế, Đức Giê-su đã thực thi vương quyền của Người trong thế gian, ngay chính lúc Người bị thế gian tước hết mọi quyền hành. Sự đảo ngược độc đáo của đoạn Tin Mừng là Đức Giê-su, người bị tố cáo, bị kết tội, lại trở thành vị thẩm phán đích thực, Người có quyền xét xử và tuyên bố ai là người có

tội. Tư cách thẩm phán này được nhấn mạnh khi Phi-la-tô đặt Đức Giê-su ngồi vào nơi dành cho vị thẩm phán: “Phi-la-tô đặt Người ngồi⁸³ trên toà, ở nơi gọi là Nền Đá, tiếng Híp-ri là Gáp-ba-tha” (19,13). Có lẽ Phi-la-tô muốn Đức Giê-su đóng vai vị vua hề đến cùng, nhưng thực ra, Phi-la-tô đã *nói đúng* về Đức Giê-su khi gọi Người là “vua dân Do-thái” và *làm đúng* khi đặt Người ngồi vào vị trí của vị thẩm phán. Yếu tố thời gian vào cuối trình thuật cho thấy ý nghĩa thần học về giờ chết của Đức Giê-su. Hôm đó là ngày áp lễ Vượt Qua vào khoảng 12 giờ trưa (19,14). Khi Phi-la-tô trao Đức Giê-su để người bị đóng đinh cũng là lúc trong đền thờ người ta giết chiên Vượt Qua, Đức Giê-su trở thành chiên Vượt Qua mới.

Tóm lại, vào lúc 12 giờ trưa, giữa thanh thiên bạch nhật, sự thật về Đức Giê-su được lộ tỏ. Người là Con Thiên Chúa, Người là Vua, Nước của Người không thuộc về thế gian nhưng Người thi hành vương quyền của Người trong thế gian. Chúng ta đã tìm hiểu bản văn qua phân tích các nhân vật, nhưng việc đọc và

⁸³ Động từ καθίζω (đặt ngồi), ở 19,13 dùng ngôi thứ ba số ít nên có thể hiểu hai cách: “Phi-la-tô đặt Đức Giê-su ngồi” hay “Phi-la-tô ngồi” vào nơi gọi là Nền Đá. Vì trong đoạn văn, Phi-la-tô không tuyên bố lời xét xử nên hiểu theo nghĩa ông đặt Đức Giê-su ngồi phù hợp hơn. Một đằng ông muốn Đức Giê-su đóng vai vị thẩm phán hề. Đằng khác người thuật chuyện chủ ý trình bày Đức Giê-su như là vị thẩm phán.

hiểu bản văn chỉ kết thúc khi nhận ra được điều mà bản văn muốn nói với người đọc hôm nay.

III. Sống nhờ ý nghĩa của bản văn

Trong quá trình đọc, độc giả có thể có thiện cảm hay ác cảm với các nhân vật trong câu chuyện. Người đọc có thể tự đồng hoá với các nhân vật và lựa chọn đứng về phía nhân vật chính diện. Các tình tiết trong câu chuyện có thể soi rọi vào những tình huống tương tự trong cuộc sống của người đọc. Mỗi độc giả có một lịch sử cuộc đời riêng, nên việc cảm nhận và sống bản văn cũng khác nhau. Trong đoạn văn 18,28–19,16a, người đọc có thể đối chiếu với cuộc sống qua đề tài sự thật. Sự thật được lộ tỏ dần dần trong bản văn từ từ mờ sáng cho đến giữa trưa. Đó là sự thật của những kẻ tố cáo Đức Giê-su, sự thật của Phi-la-tô và sự thật của Đức Giê-su. Người đọc có thể thấy sự thật về chính mình hay sự thật về người khác trong cách xây dựng các nhân vật trong đoạn văn 18,28–19,16a.

Trong vị trí của của những kẻ tố cáo Đức Giê-su, người đọc, hay ai đó, có thể đã vô tình chấp nhận đi ngược lại với sự thật vì muốn đạt được một mục đích nào đó. Trong bản văn, những kẻ tố cáo không có bằng chứng về việc Đức Giê-su làm điều ác, hay tự xưng là vua theo nghĩa chính trị. Khi tìm mọi cách để đạt mục đích, vô tình đi ngược lại niềm tin của mình. Tự cho là trung tín mà thực ra là bất trung (họ giữ luật của Đức Chúa nhưng lại tuyên xưng thần phục Xê-da). Bản văn

mời gọi người đọc xem lại tính chính đáng của những mục đích đang đeo đuổi.

Về nhân vật Phi-la-tô, bản văn đặt người đọc, hay ai đó, trước việc dùng người khác để khiêu khích đối phương (Phi-la-tô dùng Đức Giê-su để châm chọc những kẻ tố cáo Người). Điều này dẫn đến tự mâu thuẫn với chính mình khi tìm cách tỏ ra là mình là người có quyền hành (Phi-la-tô không tìm thấy lý do để kết tội mà lại cho đánh đòn và chế nhạo Đức Giê-su). Khi quyền lợi bị nguy hại thì không dám đứng về phía sự thật (Phi-la-tô bỏ đi sau khi hỏi sự thật là gì, ông không xét xử Đức Giê-su theo sự thật). Nhân vật Phi-la-tô có thể là lời chất vấn cho người đọc.

Qua nhân vật trọng tâm Đức Giê-su, Người đọc được mời gọi phân biệt giữa vương quyền của Đức Giê-su và vương quyền trần thế. Sự phân biệt này có thể dẫn đến sự thay đổi quan niệm của người đọc về vương quyền và quyền bính. Sự thật về Đức Giê-su và sự thật về vương quyền của Người trong bản văn giúp người đọc biết cách làm thế nào để bày tỏ quyền bính và vương quyền của Thiên Chúa trong những hoàn cảnh cụ thể.

Tóm lại bản văn 18,28–19,16a là lời mời gọi người đọc đứng về phía sự thật. Câu nói của Đức Giê-su: “Bất cứ ai thuộc về sự thật thì nghe tiếng Tôi” (18,37c) cũng là câu mà người thuật chuyện dành cho độc giả. Đọc toàn bộ Tin Mừng thứ tư, người đọc sẽ biết sự thật là gì, để làm gì và sự thật là ai. Đức Giê-su nói với những

người Do-thái: “Nếu các ông ở lại trong lời của Tôi, các ông là môn đệ đích thực của Tôi, và các ông sẽ biết sự thật, và sự thật sẽ giải phóng các ông” (8,31-32). Sự thật có khả năng giải phóng người đọc khỏi mọi thứ nô lệ. Sự thật đó là Lời Thiên Chúa, như Đức Giê-su nói với Cha Người: “Xin Cha thánh hiến họ trong sự thật. Lời của Cha là sự thật” (17,17). Đức Giê-su đến để nói Lời của Thiên Chúa, và chính Người là Ngôi Lời của Thiên Chúa (1,1-18), nên chính Người là sự thật. Đức Giê-su đã nói với các môn đệ: “Chính Thầy là con đường, là sự thật và là sự sống” (14,6).

Thực ra, thuộc về sự thật hay đứng về phía sự thật không gì khác hơn là đứng về phía Thiên Chúa, thuộc về Thiên Chúa như Đức Giê-su nói: “Ai thuộc về Thiên Chúa, thì nghe lời Thiên Chúa” (8,47). Thuộc về sự thật là điều kiện để nghe Đức Giê-su (18,37) và khi đã biết sự thật là gì, là ai và để làm gì, người đọc được mời gọi *làm theo sự thật* (3,21) và *làm chứng cho sự thật* như Đức Giê-su (18,37).

Kết luận

Qua việc tất cả các nhân vật theo đuổi mục đích riêng của mình, người thuật chuyện muốn trình bày đề tài vương quyền của Đức Giê-su trong đoạn văn 18,28–19,16a. Để tìm cách giết Đức Giê-su, những kẻ tố cáo kết tội Người là kẻ làm điều ác, là người tự cho mình là Con Thiên Chúa và xưng làm vua. Phi-la-tô chọc tức những kẻ tố cáo bằng cách gọi Người là vua của những người Do-thái, ông để quân lính làm cho Người thành

vị vua hề. Phi-la-tô đặt Người ngồi trên toà xét xử để làm thẩm phán hề. Theo cách trình bày của người thuật chuyện, các nhân vật đã vô tình *nói đúng* và *làm đúng* về Đức Giê-su. Quả thật Người là Con Thiên Chúa, là Vua và là Người thi hành quyền xét xử.

Bản văn đã làm đảo lộn tình thế và làm lộ tỏ ra sự thật của các nhân vật. Những kẻ tố cáo không vào dinh để khỏi bị ô uest trong khi họ tìm mọi cách để giết Đức Giê-su. Họ chuẩn bị mừng lễ Vuốt Qua kính Đức Chúa nhưng lại tuyên xưng thần phục Xê-da. Họ đạt được mục đích là giết Đức Giê-su nhưng phải trả giá đắt. Họ trở thành những người tôn thờ Xê-da, nghĩa là bất trung với Thiên Chúa của họ. Phi-la-tô có quyền xét xử nhưng lại sợ hãi và không dám đứng về phía sự thật. Ông là người có quyền, nhưng thực ra là không có. Nơi mà những kẻ tố cáo Đức Giê-su cho là bị nhiễm uest (bên trong dinh), thì ở đó Đức Giê-su mặc khải với Phi-la-tô (đại diện đế quốc Rô-ma) về vương quyền của Người. Như thế, vương quyền của Đức Giê-su mang tính phổ quát vì không chỉ giới hạn trên phần đất “không bị nhiễm uest”. Đầu bản văn 18,28–19,16a, Đức Giê-su bị kết tội là người làm điều ác, cuối bản văn Đức Giê-su là Con Thiên Chúa và là Vua.

Qua những đảo lộn ngoạn mục có tích cách châm biếm, mỉa mai nơi các nhân vật, người thuật chuyện đã trình bày thành công đề tài thần học quan trọng: Vương quyền của Đức Giê-su. Người thuật chuyện cũng mời gọi người đọc soi rọi vào cuộc đời mình qua ý

nghĩa của bản văn với sự tương tác giữa thế giới của bản văn và thế giới của người đọc.

Nói chung, với bất kỳ đoạn văn Kinh Thánh nào, người đọc đều có thể tiến hành các bước chuẩn bị (phân đoạn, bối cảnh, cấu trúc), sau đó tìm hiểu đoạn văn qua việc phân tích các đề tài hay các nhân vật bằng cách nối kết tất cả yếu tố trong bản văn lại với nhau. Trong quá trình phân tích có thể nảy sinh những thắc mắc về đoạn văn, dẫn đến điều chỉnh những nhận xét trong các bước chuẩn bị. Như thế, các bước quan sát bản văn soi sáng cho việc phân tích để hiểu bản văn, đồng thời việc hiểu bản văn lại củng cố những lập luận trong phần chuẩn bị. Cách đọc trên giúp độc giả tìm ra những nét độc đáo riêng của từng đoạn văn như là viên ngọc quý trong kho tàng Lời Chúa. Trong quá trình *đọc, hiểu và sống*, người đọc chưa biết hết toàn bộ ý nghĩa của bản văn mà chỉ hiểu một phần ý nghĩa của bản văn mà thôi, vì thế cần tiếp tục đọc để khám phá ra những nét độc đáo khác trong thế giới của bản văn để làm phong phú thêm cho thế giới của người đọc.